



## GIẢI PHÁP THƯƠNG MẠI HÓA SÁNG CHẾ CHO DOANH NGHIỆP Ở MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN, VIỆT NAM

**Đỗ Thị Điện**

Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Nguyễn Khoa Chiêm, Tp. Huế

Tác giả liên hệ: **Đỗ Thị Điện** <diendt@hul.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 30-7-2021; Ngày chấp nhận đăng: 18-8-2022)

**Tóm tắt.** Giai đoạn sáng chế ra đời đến ứng dụng vào đời sống sản xuất là một quá trình khó khăn và thử thách đối với doanh nghiệp có sáng chế được cấp bằng độc quyền (patent). Việc hiểu biết về sáng chế và thương mại hóa sáng chế sẽ giúp bảo đảm được quyền lợi tuyệt đối trong quá trình khai thác, chuyển giao, sử dụng sáng chế trong các doanh nghiệp đạt hiệu quả cao hơn. Mục tiêu của bài báo là tìm hiểu về thực trạng thương mại hoá sáng chế, những khó khăn, nguyên nhân và giải pháp thương mại hoá sáng chế cho doanh nghiệp ở miền Trung và Tây Nguyên, Việt Nam. Nhằm mục đích, góp phần tạo ra sự phát triển vững mạnh cho các doanh nghiệp trong khu vực nói riêng và cả nước nói chung.

**Từ khoá:** Thương mại hoá sáng chế; Doanh nghiệp; miền Trung và Tây Nguyên

## SOLUTIONS FOR COMMERCIALIZATION OF PATENTED INVENTIONS FOR ENTERPRISES IN THE CENTRAL AND CENTRAL HIGHLANDS, VIETNAM

**Do Thi Dien**

University of Law, Hue University, 57 Nguyen Khoa Chiem St., Hue, Vietnam

\* Correspondence to **Do Thi Dien** <diendt@hul.edu.vn >

(Received: Juni 30, 2021; Accepted: August 18, 2022)

**Abstract.** The invention phase from birth to application in production life is a difficult and challenging process for enterprises with patented inventions. Understanding of patents and commercialization of inventions will help ensure absolute rights in the process of exploitation, transfer and use of inventions in enterprises with greater efficiency. The objective of the article is to learn about commercialization of inventions, difficulties, causes and solutions to commercialization of inventions for enterprises in the

---

Central and Central Highlands, Vietnam. In order to contribute to the strong development of businesses in the region in particular and the country in general.

**Keywords:** Commercialization of Invention; Enterprise; Central Region and Central Highlands.

## 1. Đặt vấn đề

Miền Trung - Tây Nguyên với điều kiện tự nhiên như địa hình trải dài, giao thông khó khăn (nhiều đèo, dốc, ít phương tiện giao thông), thời tiết khắc nghiệt, kinh tế kém phát triển hơn so với hai đầu đất nước, cộng với thực tế số lượng doanh nghiệp còn ít và quy mô nhỏ, lẻ, chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động nên trong các doanh nghiệp ít đầu tư cho bộ phận nghiên cứu và triển khai, dẫn đến khả năng nhận thức về sở hữu trí tuệ nói chung và sáng chế nói riêng cũng thấp hơn so với cả nước. Các doanh nghiệp ở khu vực này thường tập trung vào khai thác tài nguyên thiên nhiên sẵn có, mở rộng sản xuất hơn là đầu tư có chiều sâu về công nghệ. Điều này mang lại hiệu quả trước mắt cho doanh nghiệp, nhưng khi tài nguyên cạn kiệt các doanh nghiệp sẽ phải đương đầu với khá nhiều khó khăn, thách thức, nhất là trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Do vậy, hiện nay cách thương mại hoá sáng chế ở khu vực này là nhận triển khai sáng chế từ các trường đại học chuyển giao cho các doanh nghiệp. Trong nội dung bài báo này, tác giả không nêu lại các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành như về sáng chế, điều kiện cấp bằng độc quyền sáng chế, thương mại hoá sáng chế [1] mà chỉ thống kê các sáng chế (gồm đơn sáng chế và bằng độc quyền sáng chế được bảo hộ (patent) trong các lĩnh vực khoa học, giáo dục và lĩnh vực nông, lâm, thủy sản tại một số tỉnh có Trường Đại học có phòng nghiên cứu ứng dụng như Thừa Thiên Huế (Đại học Huế); Đà Nẵng (Đại học Đà Nẵng); Bình Định (Trường Đại học Quy Nhơn); Khánh Hoà (Trường Đại học Nha Trang); Đắk Lắk và Gia Lai (Đại học Tây Nguyên). Tiếp đến, tác giả tiến hành so sánh tỉ lệ patent/số đơn sáng chế được nộp để biết các sáng chế không được bảo hộ đã không thoả mãn một trong các điều kiện bảo hộ như tính mới; trình độ sáng tạo, khả năng áp dụng công nghiệp; So sánh tỉ lệ nộp/ cấp bằng sáng chế giữa các tỉnh trong khu vực với nhau; và thực tiễn hoạt động thương mại hoá sáng chế thông qua hình thức chuyển giao sáng chế trong lĩnh vực nghiên cứu. Trên cơ sở đó, tác giả nêu một số nguyên nhân, khó khăn và giải pháp để thương mại hoá sáng chế cho các doanh nghiệp khu vực miền Trung và Tây Nguyên đạt kết quả tốt hơn trên thực tế.

## 2. Đặc điểm của các doanh nghiệp ở Miền Trung, Tây Nguyên

*Thứ nhất, về thuận lợi*

Một là, các doanh nghiệp nằm trong khu vực miền Trung -Tây Nguyên có vị trí địa lý, giao thông thuận lợi, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đây là thế mạnh để các địa

phương phát triển những lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, như: chế biến nông-lâm-thủy sản; điện gió, điện mặt trời; khai thác, chế biến khoáng sản;

*Hai là*, nguồn lao động dồi dào, sẵn có, kể cả lao động có trình độ cao cũng như lao động phổ thông, cần cù, ham học hỏi và chi phí nhân công lao động thấp so với nhiều vùng kinh tế khác trong nước;

*Ba là*, ven biển miền trung và Tây Nguyên nằm trên trục giao thông quốc gia về đường sắt, đường bộ, đường biển và đường hàng không, đồng thời nằm trên hành lang kinh tế đông - tây, có những cửa ngõ lý tưởng ra Biển Đông cho các quốc gia tiểu vùng sông Mê Công như từ Myanmar qua Thái Lan, Lào, là vùng đất giàu tài nguyên thiên nhiên với hệ thống sông ngòi dày đặc và nhiều cảng nước sâu;

*Bốn là*, khu vực ven biển miền trung và Tây Nguyên được xác định có tiềm năng lớn về các ngành nghề nuôi trồng và chế biến nông, lâm, thủy sản; công nghiệp đóng tàu và sửa chữa tàu biển; phát triển thủy điện; khai thác và chế biến khoáng sản; cơ khí phụ trợ, công nghiệp lọc hóa dầu; vật liệu xây dựng; công nghiệp tiêu dùng; tiểu thủ công nghiệp [2].

#### *Thứ hai, về khó khăn*

*Một là*, vai trò của công nghệ tiên tiến, đổi mới sáng tạo khá quan trọng đối với sự phát triển thị trường công nghệ ở khu vực Tây Nguyên hiện nay. Tuy nhiên, các công nghệ sản xuất mà doanh nghiệp ở khu vực đang áp dụng phần đa lạc hậu, chủ yếu là các biện pháp truyền thống trong chế biến sản phẩm. Các doanh nghiệp phần lớn có quy mô nhỏ, chậm đổi mới thiết bị, công nghệ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm công nghiệp thấp; [3]

*Hai là*, những yếu kém trong phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) và đổi mới sáng tạo hiện đang hạn chế khả năng phát triển của doanh nghiệp và phát huy vai trò tích cực của doanh nghiệp đối với phát triển kinh tế - xã hội khu vực;

*Ba là*, khu vực có điểm xuất phát thấp, nguồn lực tại chỗ nhỏ bé, kết cấu hạ tầng kinh tế còn yếu kém. Tuy vậy, gần đây với sự ra đời của các khu kinh tế, khu công nghiệp với hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện gồm cụm cảng hàng không, cảng biển nước sâu, các trục giao thông chính và cơ chế hoạt động kinh tế đa ngành với các chính sách ưu đãi ổn định, lâu dài đã tạo sức hấp dẫn mới đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước [4]

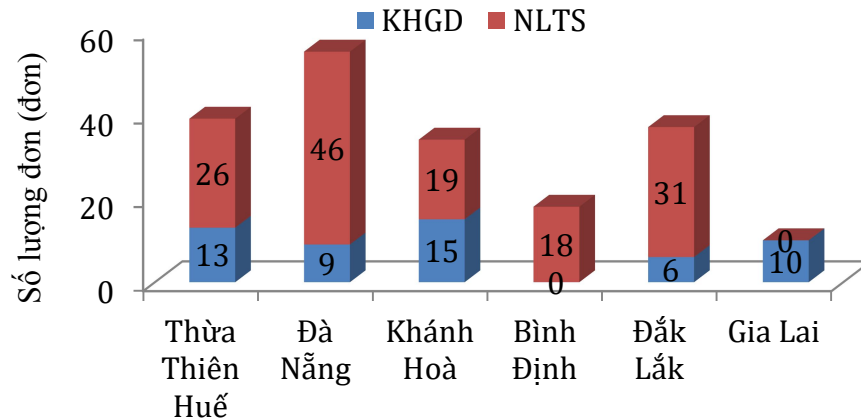
*Bốn là*, tỷ lệ doanh nghiệp quan tâm đăng ký bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ vẫn ở mức thấp hơn so với mức trung bình của cả nước. Nguyên nhân do phần lớn doanh nghiệp có quy mô nhỏ, chưa có chiến lược kinh doanh rõ ràng, nguồn lực kinh phí và nhân lực hạn chế. Nhiều chủ doanh nghiệp chưa lường hết những khó khăn trong quá trình kinh doanh khi không đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chưa nắm được quyền lợi doanh nghiệp khi được công nhận là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ [5].

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, doanh nghiệp cần đổi mới sáng tạo để tạo ra sản phẩm và sử dụng lợi thế của tài sản trí tuệ để áp dụng trong sản xuất, kinh doanh. Đáng chú ý sở hữu trí tuệ cũng trở thành một nội dung quan trọng trong các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới. Các hiệp định FTA thế hệ mới mở ra các cơ hội cho các sản phẩm tiếp cận thị trường quốc tế, khuyến khích các chủ thể sáng tạo và đăng ký bảo vệ các tài sản trí tuệ. Tuy nhiên, các hiệp định này cũng mở ra cơ hội cho sản phẩm nước ngoài thâm nhập thị trường trong nước, cho nên buộc doanh nghiệp phải cạnh tranh mạnh mẽ. Trong khi đó, các doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên còn nhỏ lẻ, manh mún, sản phẩm đơn điệu, thiếu vốn, thiếu công nghệ... khiến năng lực cạnh tranh còn hạn chế. Đây chính là lý do tác giả tìm hiểu về khả năng đăng ký bảo hộ đối tượng quyền sở hữu trí tuệ là sáng chế và thương mại hoá sáng chế trong các doanh nghiệp khu vực miền Trung và Tây Nguyên [6]

**3. Thực trạng thương mại hoá sáng chế ở miền Trung và Tây Nguyên**

**3.1. Thực trạng nộp đơn đăng ký bảo hộ sáng chế ở miền Trung và Tây Nguyên**

Trước tiên, chúng tôi muốn miêu tả thực trạng nộp đơn đăng ký bảo hộ sáng chế ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Thực tế số lượng đơn xin đăng ký sáng chế trong thời gian từ 2017-2020 được thể hiện qua biểu đồ sau: [7]



**Hình 1.** Thực trạng nộp đơn xin đăng ký sáng chế ở các tỉnh miền Trung từ 2017-2020  
(Ghi chú: NL-TS: Nông Lâm-Thủy sản; KHGD: Khoa học Giáo dục)

Nhìn vào biểu đồ ta thấy rõ hai tham số là tổng số đơn nộp và đơn nộp theo lĩnh vực (lĩnh vực khoa học giáo dục và nông lâm thủy sản).

- Xét trên tổng số đơn nộp: Đà Nẵng chiếm số đơn cao nhất với tổng số 55 đơn đăng ký bảo hộ sáng chế được nộp; tiếp đến là Thừa Thiên Huế với 39 đơn; Đắk Lắk với 37 đơn được

nộp; Khánh Hoà 34 đơn được nộp; Bình Định là 18 và thấp nhất là Gia Lai với 10 đơn đăng ký bảo hộ sáng chế được nộp.

Đà Nẵng có tỷ lệ nộp đơn đăng ký bảo hộ cao nhất, cho thấy nền kinh tế ở khu vực này phát triển và các doanh nghiệp đã quan tâm hơn đến vấn đề bảo hộ tài sản trí tuệ là sáng chế trong doanh nghiệp. Ngược lại với Đà Nẵng thì Gia Lai có tổng số đơn nộp thấp nhất, chứng tỏ doanh nghiệp ở Gia Lai chưa thực sự quan tâm đến vấn đề bảo hộ tài sản trí tuệ là sáng chế, sáng chế trong lĩnh vực khoa học giáo dục chưa thực sự được đầu tư quan tâm đúng với sự phát triển về giáo dục trong khu vực, nguyên nhân này một phần do Gia Lai chưa có cơ sở giáo dục đại học, nhất là đại học đa ngành nghề.

- Xét về tỉ lệ nộp đơn trong hai lĩnh vực khoa học giáo dục và nông lâm thủy sản: Nhìn trên biểu đồ ta thấy có sự chênh lệch trong hai lĩnh vực này khá rõ, nhất là Đà Nẵng, lĩnh vực nông lâm thủy sản với 46 đơn/tổng số 55 đơn, trong khi đó lĩnh vực khoa học giáo dục chỉ có 9 đơn được nộp. Điều đó thể hiện các cá nhân, doanh nghiệp tại Đà Nẵng đã từng bước quan tâm hơn đến bảo hộ tài sản trí tuệ là sáng chế trong doanh nghiệp, so với lĩnh vực khoa học giáo dục trong các Trường Đại học ở Đà Nẵng;

- Tiếp đến thể hiện sự chênh lệch trong hai lĩnh vực của Bình Định; Đắk Lắk và Gia Lai, chủ yếu số đơn đăng ký bảo hộ sáng chế được nộp trong lĩnh vực nông lâm thủy sản như Bình Định; Gia Lai không có đơn nào được nộp trong lĩnh vực khoa học giáo dục; Đắk Lắk được 6 đơn/tổng số 37 đơn. Thừa Thiên Huế và Khánh Hoà cũng có sự chênh lệch, số đơn nộp trong lĩnh vực nông lâm thủy sản cao hơn lĩnh vực khoa học giáo dục, song sự chênh lệch không thể hiện rõ nét như các tỉnh trên. Điều này thể hiện trong lĩnh vực nông lâm thủy sản dễ tạo ra và có nhiều sáng chế được yêu cầu cấp bằng; lĩnh vực khoa học giáo dục chưa thực sự quan tâm đến vấn đề nộp đơn đăng ký bảo hộ sáng chế.

Về nguyên nhân dẫn đến những sự chênh lệch trong nộp đơn đăng ký bảo hộ sáng chế kể cả theo tỉnh và theo lĩnh vực, tác giả sẽ làm rõ ở mục sau của bài nghiên cứu.

*Thứ hai, thực trạng cấp bằng/từ chối cấp bằng tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.*

Trên cơ sở thực trạng tổng số đơn được nộp/ lĩnh vực ở mục trên, mục này tác giả tiến hành thống kê và so sánh tỉ lệ số đơn được nộp/ số bằng được cấp và từ chối cấp tính từ đầu cho đến nay được thể hiện qua được thể hiện qua bảng số liệu sau:[8]

**Bảng 01.** Số đơn nộp/số bằng sáng chế được cấp và số đơn nộp bị từ chối

Lĩnh vực/Tỉnh	Khoa học - Giáo Dục			Nông, Lâm - Thủy Sản		
	Số đơn nộp	Số bằng cấp	Từ chối cấp bằng	Số đơn nộp	Số bằng cấp	Từ chối cấp bằng
Thừa Thiên Huế	13	3	10	26	4	22
Đà Nẵng	9	1	8	46	26	20
Bình Định	0	0	0	18	1	17
Khánh Hoà	15	4	11	19	10	9
Đắk Lắk	6	0	6	31	18	13
Gia Lai	0	0	0	10	1	9

Nhìn vào bảng số liệu này tác giả so sánh về tổng số patent được cấp giữa các tỉnh trong khu vực được thống kê với nhau; và số đơn sáng chế được nộp/số patent được cấp (patent được hiểu là bằng độc quyền sáng chế) trong lĩnh vực cụ thể.

(1) So sánh tổng số patent được cấp/ tổng số patent bị từ chối giữa các tỉnh trong khu vực được thống kê với nhau.

Theo bảng số liệu 01, ta thấy, tổng số patent được cấp trong cả hai lĩnh vực là khoa học giáo dục và nông lâm thủy sản thì Đà Nẵng có số patent cấp cao nhất với 27 patent được cấp/32 đơn bị từ chối; Đắk Lắk với 18 patent được cấp/19 đơn bị từ chối; Khánh Hoà với 14 patent được cấp/20 đơn bị từ chối; Bình Định với 01 patent được cấp/20 đơn bị từ chối và Gia Lai với 01 patent được cấp/ 9 đơn bị từ chối.

(2) So sánh số đơn được nộp/số patent được cấp trong lĩnh vực khoa học, giáo dục:

Theo bảng số 01 ta thấy trong lĩnh vực khoa học giáo dục số đơn được nộp cao nhất là Khánh Hoà với 15 đơn được nộp/số bằng được cấp là 4 patent, chiếm 26,6% ; tiếp đến là Thừa Thiên Huế với 13 đơn được nộp/số bằng được cấp là 3 patent, chiếm 77%; Đà Nẵng với 9 đơn được nộp/01 patent được cấp, chiếm 11,1%; Đắk Lắk với 6 đơn được nộp/0 patent được cấp, tỉ lệ 0% patent được cấp; Bình Định và Gia Lai không có đơn nào được nộp/ không có patent được cấp, chiếm tỉ lệ 0%.

Như vậy, tỉ lệ patent được cấp so với tỉ lệ đơn được nộp trong lĩnh vực này rất khiêm tốn, điều đó có nghĩa tác giả nộp đơn đăng ký bảo hộ và bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ do không đáp ứng được một trong ba điều kiện bảo hộ bằng độc quyền sáng chế theo Điều 60 (tính

mới so với thế giới), Điều 61 (trình độ sáng tạo) và Điều 62 (khả năng áp dụng công nghiệp) theo Luật sở hữu trí tuệ hiện hành.

- So sánh trong lĩnh vực nông lâm thủy sản:

Trong lĩnh vực này thì Đà Nẵng có tỉ lệ nộp đơn cao nhất với 46 đơn được nộp/26 patent được cấp, chiếm 56,5%; Đắk Lắk với 31 đơn được nộp/18 patent được cấp, chiếm 58%; Thừa Thiên Huế với 26 đơn được nộp/04 patent được cấp, chiếm 15,3%; Khánh Hoà 19 đơn nộp/10 patent được cấp, chiếm 51,6%; Bình Định với 18 đơn được nộp/01 patent được cấp, chiếm 5,5% và Gia Lai với 10 đơn nộp/01 patent được cấp, chiếm 10%.

Qua thực trạng trên, tác giả rút ra một số nhận xét chung như sau:

+ Số đơn đăng ký bảo hộ sáng chế được nộp trên cả 2 lĩnh vực được nghiên cứu tương đối ít so với tiềm năng nghiên cứu của khu vực miền Trung và Tây Nguyên

+ Xét trong hai lĩnh vực, thì số đơn đăng ký bảo hộ trong lĩnh vực khoa học giáo dục khiêm tốn hơn lĩnh vực nông lâm thủy sản rất nhiều.

+ Xét trên tổng số đơn nộp/số patent được cấp, thể hiện sự chênh lệch khá lớn, đồng nghĩa với nó là số đơn bị trả lại tương đối cao.

+ Xét trong số đơn nộp/số patent được cấp trong từng lĩnh vực thì có sự phân bố không đồng đều giữa các tỉnh.

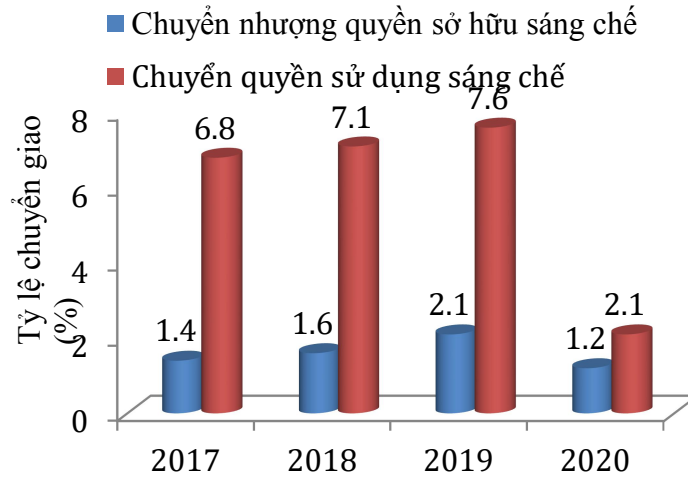
Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này sẽ được phân tích ở mục 3.3 của bài nghiên cứu này.

### **3.2. Thực tiễn thương mại hoá sáng chế**

Trong mục này tác giả tiến hành so sánh tỉ lệ thương mại hoá sáng chế thông qua hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu và hợp đồng chuyển quyền sử dụng trong lĩnh vực khoa học giáo dục, nông lâm thủy sản trong phạm vi nội bộ khu vực miền Trung và Tây Nguyên, và trong phạm vi khu vực với cả nước, để thấy rõ tỉ lệ chênh lệch trong thương mại hoá sáng chế.

*Thứ nhất, thực tiễn hoạt động thương mại hóa sáng chế trong lĩnh vực khoa học, giáo dục*

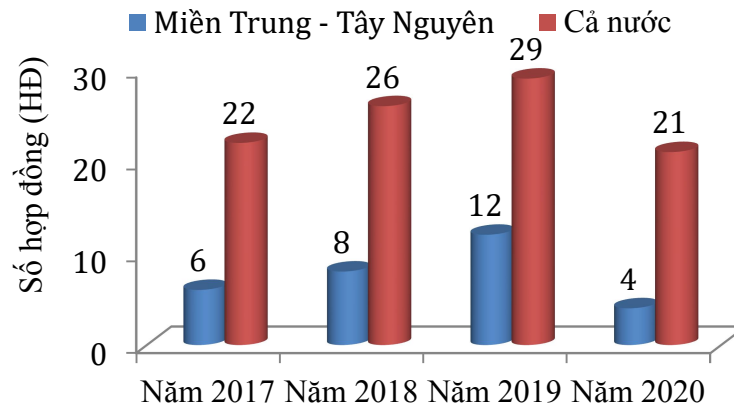
Một là, biểu đồ thể hiện tỷ lệ hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu, và hợp đồng chuyển quyền sử dụng theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ hiện hành trong lĩnh vực khoa học, giáo dục [9].



**Hình 2.** Tỷ lệ hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu và chuyển quyền sử dụng sáng chế trong lĩnh vực khoa học, giáo dục

Theo biểu đồ trên cho thấy, trong những năm qua tỷ lệ hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế trong lĩnh vực này rất thấp, năm 2017 đạt 1,4%, có xu hướng tăng dần đều qua các năm, và tính trong năm 2020 đạt 1,2%. Hợp đồng chuyển quyền sử dụng sáng chế chiếm đa số và có sự phát triển đồng đều qua các năm; trong đó, có xu hướng tăng từ năm 2017 đến năm 2019 (5,6% - 6,3%), và đạt 2,1% vào năm 2020. Biểu đồ thể hiện xu hướng chuyển giao sáng chế thông qua hình thức hợp đồng trong khu vực ngày càng phát triển, đặc biệt là hợp đồng chuyển quyền sử dụng sáng chế.

Hai là, biểu đồ thể hiện về số lượng hợp đồng chuyển nhượng/chuyển quyền sử dụng sáng chế trong lĩnh vực khoa học, giáo dục tại miền Trung và Tây nguyên so với cả nước [10]



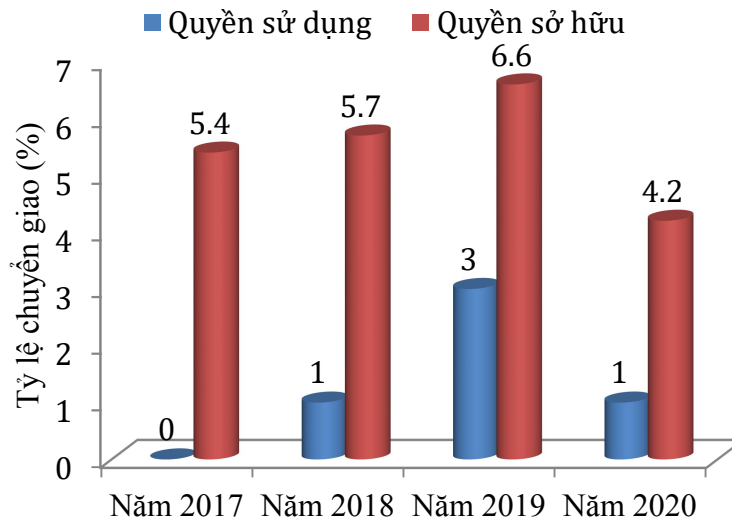
**Hình 3.** Hợp đồng chuyển nhượng/chuyển quyền sử dụng sáng chế trong lĩnh vực khoa học, giáo dục ở miền Trung - Tây Nguyên so với cả nước



Theo biểu đồ trên, về tương quan số hợp đồng chuyển nhượng/chuyển quyền sử dụng sáng chế trong lĩnh vực khoa học, giáo dục trên địa bàn khu vực miền Trung - Tây Nguyên so với cả nước ta thấy, trong khi tỷ lệ hợp đồng chuyển nhượng/chuyển quyền sử dụng sáng chế trên cả nước chiếm từ khoảng 25% - 30% thì trên địa bàn khu vực miền Trung và Tây Nguyên chỉ chiếm khoảng 6% - 12% - một sự chênh lệch khá lớn. Xu hướng tăng trưởng của hợp đồng chuyển nhượng/chuyển quyền sử dụng sáng chế trong khu vực tăng dần đều từ năm 2017 đến năm 2019. Từ năm 2017 – 2019 tỷ lệ hợp đồng chuyển nhượng/chuyển quyền sử dụng sáng chế có sự gia tăng và đạt 12 hợp đồng vào năm 2019. Mặc dù tỉ lệ nộp đơn đăng ký bảo hộ sáng chế trong lĩnh vực khoa học giáo dục thấp, nhưng tỉ lệ xác lập hợp đồng chuyển nhượng/chuyển quyền sử dụng sáng chế có xu hướng tăng trưởng tương đối đồng đều, chứng tỏ các doanh nghiệp trong lĩnh vực khoa học, giáo dục ở khu vực đang dần bắt kịp nhịp độ thương mại hóa trên thị trường. Ví dụ như: Patent về “Chế phẩm sinh học *Pseudomonas putida*” tác giả Trần Thị Thu Hà, chủ sở hữu Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế đã xác lập hợp đồng chuyển quyền sử dụng với Công ty Cổ phần Bình Điền Mêkong.

*Thứ hai, thực tiễn hoạt động thương mại hóa sáng chế trong lĩnh vực nông lâm - thủy sản*

Một là, biểu đồ thể hiện tỷ lệ hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển quyền sử dụng” sáng chế trong lĩnh vực nông lâm - thủy sản [11].

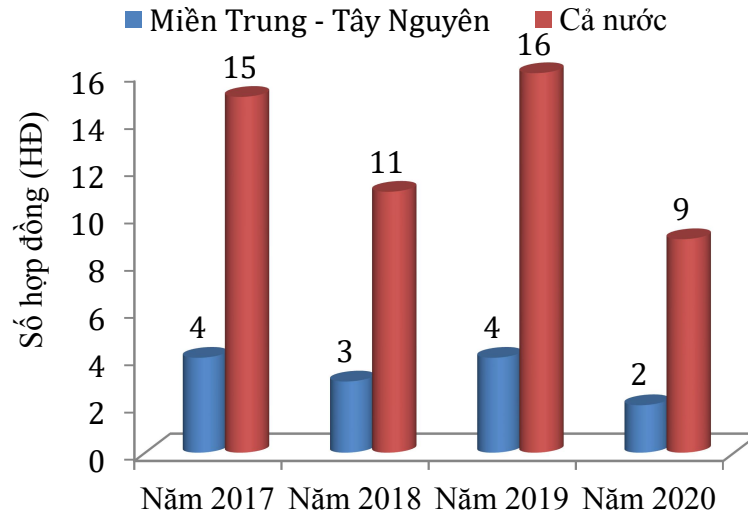


**Hình 4.** Tỷ lệ hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu và chuyển quyền sử dụng sáng chế trong lĩnh vực nông lâm - thủy sản

Qua biểu đồ trên, về tương quan tỷ lệ hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu so với hợp đồng chuyển quyền sử dụng trong lĩnh vực nông lâm - thủy sản ta thấy, trong giai đoạn 2017 –

2019 tăng nhẹ trong lĩnh vực này. Số hợp đồng chuyển quyền sử dụng chiếm tỷ lệ tương đối ít từ 3% - 5% đồng đều từ năm 2017 – 2019, và 01 hợp đồng trong năm 2020.

Hai là, biểu đồ thể hiện tỷ lệ hợp đồng chuyển giao sáng chế trong lĩnh vực nông lâm - thủy sản tại địa bàn các doanh nghiệp khu vực miền Trung và Tây Nguyên so với cả nước [12].



Hình 5. Hợp đồng chuyển giao sáng chế trong lĩnh vực Nông Lâm Thủy sản ở miền Trung - Tây Nguyên so với cả nước

Qua biểu đồ trên, ta thấy trong khi số hợp đồng chuyển giao trong khu vực có xu hướng tăng trưởng tương đối đồng đều qua các năm; thì số hợp đồng trên địa bàn cả nước gia tăng từ sau năm 2018. Có sự chênh lệch khoảng 10% giữa số hợp đồng chuyển giao trên địa bàn so với cả nước. Sự tăng trưởng trên phương diện hợp đồng chuyển giao tại địa bàn trong lĩnh vực này không cao; mặc dù có sự gia tăng nhẹ vào năm 2019 nhưng với tốc độ này thì không có sự bứt phá vào những năm tới trong lĩnh vực tại khu vực.

Từ đây, có thể rút ra một vài nhận xét sau:

+ Tỷ lệ hợp đồng chuyển giao sáng chế trong khu vực có sự chênh lệch khá rõ so với cả nước, nhất là đối với hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu.

+ Trong nội bộ khu vực miền Trung và Tây Nguyên cũng có sự không đồng đều trong hai hình thức hợp đồng, hình thức hợp đồng chuyển quyền sử dụng sáng chế được bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao ưu tiên lựa chọn hơn so với hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu.

+ Trong hai lĩnh vực được đưa vào để so sánh thì lĩnh vực nông lâm thủy sản có tỷ lệ xác lập hợp đồng chuyển giao sáng chế cao hơn so với lĩnh vực khoa học giáo dục.

#### **4. Khó khăn, nguyên nhân và giải pháp thương mại hoá sáng chế cho doanh nghiệp ở miền Trung và Tây Nguyên**

##### **4.1. Khó khăn, nguyên nhân**

Qua những số liệu thống kê, phân tích từ thực trạng nêu trên, tác giả nhận thấy qua một số khó khăn và nguyên nhân cơ bản sau:

*Một là*, những tỉnh có tỉ lệ nộp đơn đăng ký bảo hộ sáng chế thấp/tỉ lệ từ chối cấp bằng cao như Bình Định; Gia Lai nguyên nhân do bản thân những tài sản trí tuệ là sáng chế trong khu vực là thiết kế tự phát nên các sản phẩm vẫn còn thô sơ, chưa đồng nhất về thiết kế (các loại thiết bị đơn giản, chủ yếu là tận dụng các thiết bị cũ, nguyên vật liệu tự chế, tái sử dụng, với kỹ thuật cơ khí thấp, do vậy máy móc được tạo ra còn thô sơ, thiếu đồng bộ và nhiều trường hợp khó sản xuất đại trà).

*Hai là*, nguyên nhân từ chối cấp bằng đến từ tình trạng là hiện nay nhiều nhà khoa học nghĩ rằng kết quả nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí quốc tế hoặc trong nước là niềm vinh dự, nhưng không biết việc công bố đó cũng là một trở ngại trong việc xác lập quyền, và rất dễ rơi vào lý do bị từ chối bảo hộ độc quyền sáng chế do kết quả nghiên cứu đã đăng báo quốc tế trước đó, làm mất tính mới, ví dụ: phần lớn các thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, phần sản phẩm chỉ yêu cầu: bài báo đăng trên tạp chí khoa học (kể cả tạp chí quốc tế) + quyết định của Cục SHTT chấp nhận đơn sáng chế hợp lệ (có nghĩa là đăng trên Công báo SHCN tập A), trong khi đó patent thì phải đăng trên Công báo SHCN tập B - một tiêu chí để được bảo hộ theo Điều 60 Luật sở hữu trí tuệ hiện hành.

*Ba là*, tiếp đến các nhà khoa học khi thực hiện một số đề tài nghiên cứu trên cơ sở có sự tài trợ về kinh phí (ví dụ đề tài cấp tỉnh, đề tài cấp cơ sở, cấp bộ), trong đó có yêu cầu yêu cầu “bắt buộc” là cá nhân, đơn vị thực hiện đề tài “phải” viết bài báo về kết quả nghiên cứu rồi đăng trên các tạp chí uy tín để chứng minh năng lực nghiên cứu của mình làm điều kiện để nghiệm thu đề tài. Như vậy công bố (bài báo) sẽ tiết kiệm thời gian và đáp ứng yêu cầu đề tài nhanh hơn rất nhiều so với làm sáng chế – không những mất nhiều thời gian, kinh phí mà còn khó đảm bảo kết quả. Do đó, các nhà khoa học nước ta thường có xu hướng công bố bài báo hơn là xin cấp bằng độc quyền sáng chế.

*Bốn là*, tỷ lệ nộp đơn đăng ký bảo hộ sáng chế trong lĩnh vực khoa học giáo dục chiếm số lượng ít, một phần do cá nhân, tổ chức chưa có đủ thông tin, chưa nắm rõ quy trình đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế, kết hợp với hai nguyên nhân thứ hai và thứ ba

trên, dẫn đến lĩnh vực này có số đơn nộp và số bằng được cấp ít hơn so với lĩnh vực Nông Lâm Thủy sản.

*Năm là*, thiếu các tổ chức có tính chất chuyên môn hoá trong vấn đề thương mại hoá quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế. [13]

Thực tế thì các nhà nghiên cứu chỉ quan tâm đến việc nghiên cứu của mình mà ít quan tâm kết quả nghiên cứu đó được ứng dụng như thế nào. Các doanh nghiệp, nhà sản xuất lại quan tâm đến việc ứng dụng kết quả nghiên cứu mang lại lợi ích gì cho doanh nghiệp (lợi nhuận). Do đó, rất cần một cầu nối có tính chuyên nghiệp là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp về thương mại hoá quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền sở hữu công nghiệp nói riêng từ việc khảo sát nhu cầu thị trường qua các doanh nghiệp, tư vấn các định hướng nghiên cứu, tìm kiếm doanh nghiệp sản xuất thử nghiệm, định giá và tư vấn chuyển giao. Thông qua cầu nối này thì việc thương mại hoá quyền sở hữu trí tuệ nói chung đặc biệt là quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế mới được thúc đẩy và số lượng đơn đăng ký sáng chế tăng lên cùng với các hợp đồng liên quan đến sáng chế.

*Sáu là*, quy trình cấp sáng chế ở Việt Nam còn khá xa lạ và mất nhiều thời gian đối với các nhà khoa học. Khi nhà nghiên cứu nộp đơn để xét cấp sáng chế, thông thường họ không biết mô tả tính mới, trình độ sáng tạo thông qua những giải pháp kỹ thuật của nó và không biết xin bảo hộ những gì; viết bản mô tả hoặc quá đơn giản hoặc quá cường điệu ý tưởng hoặc sản phẩm nghiên cứu của mình.

*Bảy là*, đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và hợp đồng chuyển giao sáng chế trong lĩnh vực khoa học giáo dục ít hơn/ và từ chối cấp văn bằng bảo hộ nhiều, nguyên nhân là do lĩnh vực giáo dục còn nặng về lý thuyết, và không theo kịp tốc độ phát triển của thị trường sản phẩm khoa học, công nghệ nên thiếu doanh nghiệp quan tâm và đặt hàng chuyển giao.

*Tám là*, các doanh nghiệp ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, nên không thành lập bộ phận nghiên cứu và phát triển (R&D), dẫn đến cách thương mại hoá sáng chế là nhận triển khai từ các trường đại học, nhưng phần lớn các nghiên cứu trong trường đại học hiện nay vẫn nặng về lý thuyết, không bắt kịp được nhu cầu của doanh nghiệp. Đồng thời chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm và là cầu nối liên kết giữa doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu để tạo ra những sáng chế đáp ứng cho nhu cầu phát triển của địa phương.

#### **4.2. Giải pháp thương mại hoá sáng chế cho các doanh nghiệp ở miền Trung và Tây Nguyên**

Trên cơ sở các phân tích trên đây, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp nhằm gợi ý cho việc thương mại hoá sáng chế cho các doanh nghiệp miền Trung và Tây Nguyên đạt kết quả tốt hơn.

*Thứ nhất, giải pháp về nộp đơn đăng ký bảo hộ*

*Một là*, đối với các đề tài, dự án nghiên cứu ứng dụng phải xem xét kỹ đầu ra của các kết quả nghiên cứu không chỉ thuần túy là sự tham gia của các nhà chuyên môn mà nên có sự tham vấn của các chuyên gia về sở hữu trí tuệ (thông qua tra cứu thông tin sáng chế trên phạm vi toàn thế giới để tránh tình trạng nghiên cứu lặp lại dẫn đến sáng chế bị mất tính mới), các doanh nghiệp có liên quan đến kết quả nghiên cứu để hỗ trợ trong quá trình nghiên cứu đáp ứng nhu cầu thị trường.

*Hai là*, bản thân các tác giả cần tìm hiểu nhu cầu thị trường để tiến hành cho ra những kết quả nghiên cứu có khả năng ứng dụng được trong thực tế cuộc sống, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, nhất là những nhà sáng chế ở khu vực có nền kinh tế phát triển hơn như Đà Nẵng, Khánh Hoà, Đắk Lắk.

*Thứ hai, giải pháp đối với các doanh nghiệp miền Trung và Tây Nguyên*

*Một là*, các doanh nghiệp không đủ tiềm lực để thành lập bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm thì nên tạo ra một hệ thống xuyên suốt trong cơ sở gồm có nhóm nghiên cứu lý thuyết, nhóm kỹ thuật, và nhóm pháp chế – kinh doanh. Họ có quyền quyết định, khả năng, và tương tác với nhau tốt. Nhóm nghiên cứu khoa học đưa ra yêu cầu về một thiết bị chưa từng có trên thị trường để thử nghiệm một ý tưởng khoa học đột phá. Nhóm kỹ thuật thực hiện sản phẩm mẫu để nhóm này thử nghiệm. Nếu kết quả khoa học tốt, nhóm pháp chế – kinh doanh sẽ nghiên cứu thị trường cho thiết bị này. Nếu kết quả tốt, nhóm sẽ lo các thủ tục pháp lý bảo vệ sở hữu trí tuệ, nghiên cứu khả năng chuyển giao công nghệ hay huy động để chế tạo sản phẩm, xác định giá bán và đưa sản phẩm ra thị trường. Cùng lúc, nhóm kỹ thuật sẽ lo việc tái thiết kế và tìm cơ sở sản xuất hàng loạt sản phẩm với giá thành hợp lý. Có như thế một ý tưởng khoa học đột phá mới có thể trở thành sản phẩm ngoài thị trường một cách nhanh chóng và bằng sở hữu trí tuệ mới thực sự có hiệu quả kinh tế.[14]

*Hai là*, nếu doanh nghiệp hoạt động nhỏ, lẻ không đủ tiềm lực thực hiện được mô hình nhóm nghiên cứu trên thì các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực nông, lâm, thủy sản hoặc cùng địa phương như Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng liên kết lại với nhau, kết hợp với các trường đại học hoặc viện nghiên cứu. Khi doanh nghiệp có ý tưởng (không có tài chính) liên kết với doanh nghiệp có nguồn tài chính mạnh (không có trung tâm nghiên cứu) kết hợp với trung tâm nghiên cứu, viện nghiên cứu thuộc trường đại học. Khi ý tưởng thành sản phẩm doanh nghiệp tiến hành đánh giá nhu cầu thị trường, hoặc tìm đối tác để chuyển giao kết quả nghiên cứu, tạo thế hỗ trợ nhau cùng phát triển giữa doanh nghiệp - trường đại học.

*Ba là*, các doanh nghiệp tự nghiên cứu tạo ra tài sản trí tuệ là sáng chế, cần ý thức được việc nộp đơn đăng ký bảo hộ và tra cứu sáng chế trước khi tiến hành nộp đơn, tránh trường hợp bị từ chối cấp văn bằng với lý do như không đáp ứng điều kiện bảo hộ/hoặc sáng chế trùng với sáng chế đã được bảo hộ.... theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ hiện hành.

*Bốn là*, trong các doanh nghiệp có bộ phận pháp chế doanh nghiệp, nếu doanh nghiệp nào chưa có bộ phận pháp chế thì nên thành lập Ban pháp chế. Doanh nghiệp tiến hành đào tạo chuyên sâu về kiến thức sở hữu trí tuệ cho các nhân viên bộ phận pháp chế về thủ tục tra cứu tài liệu kỹ thuật có liên quan, hoàn thiện hồ sơ đăng ký bảo hộ sáng chế, lập bản mô tả sáng chế, tờ khai và nộp hồ sơ đăng ký bảo hộ sáng chế nói riêng và các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ khác nói chung.

*Năm là*, xem xét và áp dụng giải pháp “Sự lan toà công nghệ” [15] tức là công nghệ được cấp patent đang được áp dụng tốt tại một địa phương nên được chia sẻ với những địa phương khác, với người lao động trong cùng lĩnh vực ở cùng địa phương hoặc địa phương khác để học cách ứng dụng công nghệ đó, đồng thời được phép nghiên cứu, sáng tạo và phát triển dựa trên công nghệ đang ứng dụng.

*Thứ ba, đối với chính quyền các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên*

*Một là*, triển khai phát triển thị trường khoa học công nghệ hoàn thiện trên tất cả các phương diện như hỗ trợ đào tạo nhân lực khoa học công nghệ phục vụ chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ. Quy định nhiều ưu đãi cho các tổ chức trung gian thị trường khoa học công nghệ - là kênh thúc đẩy hiệu quả quá trình thương mại hóa sáng chế nhằm giúp cho sáng chế không chỉ thương mại hóa hiệu quả trong nước mà còn thúc đẩy chuyển giao ra nước ngoài.

*Hai là*, đẩy nhanh việc hỗ trợ về thủ tục, quy trình cho các nhà khoa học, các tổ chức, các trường đại học, viện nghiên cứu, đặc biệt là các nhà sáng chế không chuyên đăng ký và xác lập quyền sở hữu kết quả nghiên cứu để hình thành nguồn cung sáng chế, như hỗ trợ tra cứu tài liệu kỹ thuật có liên quan, hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ đăng ký bảo hộ sáng chế, hỗ trợ lập bản mô tả sáng chế, tờ khai và hướng dẫn nộp hồ sơ đăng ký bảo hộ sáng chế.

*Ba là*, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin khoa học, công nghệ tiên tiến, thông tin thị trường, thúc đẩy hình thành bộ phận nghiên cứu và triển khai công nghệ trong doanh nghiệp, quỹ phát triển công nghệ của doanh nghiệp. Qua đó, giúp doanh nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu của mình dựa vào khai thác tài sản trí tuệ, giúp doanh nghiệp giải quyết, ngăn ngừa các sự cố trong quá trình vận hành, tiếp thu và làm chủ công nghệ; đồng thời giúp doanh nghiệp có cơ hội và điều kiện để tìm kiếm, đánh giá, lựa chọn sáng chế phù hợp phục vụ cho hoạt động khai thác và thương mại hóa.

*Bốn là*, hỗ trợ doanh nghiệp khai thác thông tin sáng chế, xây dựng bản đồ sáng chế, xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu sáng chế, thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn về kỹ năng tra cứu và khai thác sáng chế cho doanh nghiệp. Đồng thời, Nhà nước cần hỗ trợ xây dựng hạ tầng công nghệ, xây dựng quy chế liên kết, hợp tác đối với việc sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm, qua đó góp phần hỗ trợ hoạt động mô phỏng, tái lập sáng chế phục vụ cho hoạt động khai thác, thương mại hóa sáng chế.

*Năm là*, hỗ trợ hình thành và phát triển các tổ chức trung gian như các sàn giao dịch sáng chế, công nghệ, các tổ chức tư vấn, thẩm định, giám định công nghệ để thúc đẩy hoạt động kết nối cung - cầu về sáng chế. Ví dụ ở Thừa Thiên Huế, Sở Khoa học và Công nghệ [16] đã có chủ trương xây dựng sàn giao dịch công nghệ. Hy vọng đây sẽ là “tổ chức trung gian” đầu tiên ở Huế để hỗ trợ hoạt động này. Ngoài ra, nên mở rộng phạm vi sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ Đầu tư Phát triển của tỉnh đối với hoạt động nghiên cứu, khai thác, giải mã công nghệ, và thương mại hóa sáng chế thông qua các tổ chức trung gian về sáng chế.

## 5. Kết luận

Thương mại hóa sáng chế là một trong những hình thức kinh doanh đem lại lợi nhuận cao, ứng dụng được công nghệ vào sản xuất, một loại hình kinh doanh phổ biến trong thời đại công nghệ hóa – hiện đại hóa hiện nay. Các doanh nghiệp khu vực miền Trung và Tây Nguyên cần phải nỗ lực hơn nữa để đưa nền kinh tế khu vực phát triển đồng đều với các địa phương khác trên cả nước, cùng đưa nền kinh tế đất nước sánh vai với cộng đồng thế giới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Sở hữu trí tuệ 2005 được sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019 (trong bài viết tác giả thống nhất sử dụng Luật sở hữu trí tuệ hiện hành. Tra cứu tại <https://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn>
2. <https://nhandan.com.vn/khoa-hoc/phan-huy-tai-san-tri-tue-tren-dia-ban-tay-nguyen> [Truy cập ngày 05/03/2020](#)).
3. Bảng xếp hạng chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của một số tỉnh, thành phố khu vực miền Trung năm 2020, <https://pcivietnam.vn>. Truy cập ngày 20/4/2021
4. Hoàng Hồng Hiệp, Châu Ngọc Hà, Hoàng Thị Thu Hương, “*Phát triển kinh tế vùng trọng điểm miền Trung*”, Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung, số 1 (63), 2020.
5. Linh Nga, 06/08/2020, 11:29:42, <https://diendandoanhnghiep.vn/vung-kttt-mien-trung-va-tay-nguyen-ky-2-hien-ke-go-kho-cho-dau-tu-cong-178864.html>. Truy cập, ngày 18/2/2021

6. Bài đăng trên Tạp chí Tài chính kỳ 2 tháng 10/201903:00 30/11/2019 <https://tapchitaichinh.vn/phan-huy-vai-tro-cua-doanh-nghiep-trong-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-khu-vuc-tay-nguyen.html>. Truy cập, ngày 18/2/2021
7. Nguồn tác giả tra cứu từ số liệu của Cục Sở hữu trí tuệ <https://ipvietnam.gov.vn/web/guest/so-lieu-thong-ke>. Truy cập ngày 08/9/2020).
8. Đoàn Đức Lương, Đỗ Thị Diện (2017) *Thương mại hóa quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế - nhìn từ góc độ các trường đại học nói chung và đại học Huế nói riêng*, Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn, số 2/2017, tr01-8.
9. Nguyễn Văn Tới, “Chuyển giao công nghệ và bằng cấp sáng chế: Vẫn trên đường xa” <https://bme.hcmiu.edu.vn/tin-tuc/chuyen-giao-cong-nghe-va-bang-cap-sang-che-van-tren-duong-xa>. Truy cập ngày 08/9/2020).
10. Allison Mages, *Sở hữu trí tuệ và Chuyển giao công nghệ: Những thách thức chung - Giải pháp xây dựng*.
11. [https://www.wipo.int/edocs/mdocs/mdocs/en/wipo\\_ip\\_ngo\\_ge\\_14/wipo\\_ip\\_ngo\\_ge\\_14\\_p2.pdf+&cd=10&hl=vi&ct=clnk&gl=vn](https://www.wipo.int/edocs/mdocs/mdocs/en/wipo_ip_ngo_ge_14/wipo_ip_ngo_ge_14_p2.pdf+&cd=10&hl=vi&ct=clnk&gl=vn). Truy cập ngày 08/9/2020).
12. <https://skhcn.thuathienhue.gov.vn/?gd=3&cn=765&cd=128>. Truy cập ngày 10/9/2020